

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2024/HS-ST**.
Ngày 14/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG.

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thiết

2. Ông Mạc Ngọc Day

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Ma Công Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2024/TLST-HS, ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị T**, sinh ngày 08/3/1967;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn 1 Thái Thủy, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang;

Dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ nhất; chồng: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1967 (đã chết); con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1986 nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lý Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 1 Thái Thủy, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị T, sinh ngày 08/3/1967 và Lý Văn T, sinh ngày 10/10/1994 đều trú tại thôn 1 Thái Thủy, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang có mối quan hệ quen biết. Ngày 01/8/2023, tại nhà của mình, T cho T vay số tiền 40.000.000 đồng. T thống nhất với T tính lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, số tiền lãi mỗi tháng T phải trả cho T là 6.000.000 đồng, một tháng được

tính tròn 30 ngày, hình thức thanh toán là chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng (T sử dụng số tài khoản của Ngân hàng Viettinbank số 10980399399), T chuyển trả cho T tiền lãi cụ thể như sau:

Ngày 10/8/2023, trả 5.000.000 đồng; ngày 15/8/2023 trả 1.000.000 đồng; ngày 02/9/2023 trả 2.000.000 đồng; ngày 03/10/2023 trả 2.000.000 đồng, ngày 26/10/2023 trả 6.300.000 đồng; ngày 01/11/2023 trả 2.800.000 đồng.

Đến ngày 30/11/2023, T tiếp tục cho T vay số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, số tiền lãi hàng tháng T phải trả cho Thương là 16.500.000 đồng tiền lãi đối với cả 02 khoản vay, một tháng được tính tròn 30 ngày, hình thức thanh toán giống như lần vay trước.

Ngày 14/12/2023, T chuyển trả cho T 7.600.000 đồng tiền lãi của cả hai khoản vay, trong đó 7.380.000 đồng chuyển qua tài khoản ngân hàng và 220.000 đồng tiền mặt; ngày 19/12/2023, T trả cho T 9.000.000 đồng tiền lãi của cả hai khoản vay; ngày 03/01/2024, T trả cho T toàn bộ số tiền gốc, T không tính lãi của T nữa.

Tổng số tiền lãi của cả hai khoản vay mà T đã trả cho T là 40.500.000đ (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2023 đến ngày 30/11/2023, T đã cho T vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/8/2023, T cho T vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật Dân sự). Tính đến ngày 03/01/2024 (theo thỏa thuận là 5 tháng = 150 ngày), T đã thanh toán cho T 40.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự = $(40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 150 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 3.287.671 \text{ đồng}$; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) = $30.000.000 \text{ đồng} - 3.287.671 \text{ đồng} = 26.712.329 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 30/11/2023, T cho T vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật Dân sự). Tính đến ngày 03/01/2024 (theo thỏa thuận là 01 tháng = 30 ngày), T đã thanh toán cho T 70.000.000 đồng tiền gốc và 10.500.000 đồng tiền lãi. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự = $(70.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} \times 30 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 1.150.685 \text{ đồng}$; tiền thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) = $10.500.000 \text{ đồng} - 1.150.685 \text{ đồng} = 9.349.315 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Hoàng Thị T cho Lý Văn T vay là 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*), số tiền lãi T thu được là 40.500.000đ (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi cao nhất theo quy định là 4.438.356đ (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*); số tiền thu lợi bất chính là 36.061.644đ (*Ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*).

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSHY, ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố Hoàng Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu sung quỹ Nhà nước 110.000.000 đồng tiền gốc bị cáo cho Lý Văn T vay; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.438.356 đồng (là số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu của Lý Văn T); tổng số tiền tịch thu của bị cáo được trừ đi số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp trước vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 104.438.356 đồng bị cáo phải tiếp tục nộp vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Lý Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn điều tra, đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 03/01/2024, Hoàng Thị T, sinh năm 1967; trú tại thôn 1 Thái Thủy, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi sử dụng số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*) cho Lý Văn T, sinh năm 1994, trú cùng thôn, vay với mức lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự), thu số tiền lãi 40.500.000đ (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi cao nhất theo quy định là 4.438.356đ (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*), số tiền thu lợi bất chính là 36.061.644đ (*Ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*). Hành vi thực hiện giao dịch dân sự cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao quá

mức quy định (gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) thu lời bất chính số tiền 36.061.644 đồng, mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; ảnh hưởng đến an ninh kinh tế, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân về chính sách quản lý kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có trình độ học vấn và sự va chạm xã hội nhất định. Nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; bị cáo có ý thức tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo tự nguyện hoàn trả số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tự nguyện nộp 10.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, là khoản tiền nộp trước cho số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội sẽ bị truy thu theo quy định; bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Thị T đã trả lại số tiền thu lợi bất chính 36.061.644 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 110.000.000 đồng tiền gốc bị cáo cho anh Tuấn vay, là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 4.438.356 đồng là tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, là tiền bị cáo thu lời bất chính, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước là 114.438.356đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*), nhưng được trừ đi số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), còn lại bị cáo phải tiếp tục thi hành.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị T, phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị T **50.000.000đ** (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Hoàng Thị T tổng số tiền 114.438.356đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ đi số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) bị cáo đã tự nguyện nộp trước; bị cáo còn tiếp tục phải nộp số tiền 104.438.356đ (*Một trăm linh tư triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

(Số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên lai thu tiền số 0000357 ngày 13/6/2024)

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;
- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- UBND xã T, h.Hàm Yên;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Ngọc Day – Hoàng Văn Thiết

Lương Thanh Huyền

